

DANH MỤC THUỐC

(Đính kèm công văn số 208 /RHMTW-KD ngày 09 tháng 02 năm 2026)

số 1: Gói thầu thuốc generic

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	ĐVT	Số lượng kế hoạch dự kiến
1. THUỐC GÂY TÊ, GÂY MÊ, THUỐC GIÃN CƠ, GIẢI GIÃN CƠ							
1	Articain hydrochlorid; Adrenalin (epinephrin)	68mg + 0,017mg, ống 1,7ml	1	Tiêm	Thuốc tiêm	ống	7.000
2	Desflurane	100%; 240ml	1	Đường hô hấp	Dung dịch gây mê đường hô hấp	chai/ lọ/ ống/ túi	14
3	Lidocain + epinephrin(adrenalin)	36mg + 0,018mg, ống 1,8ml	1	Tiêm	Thuốc tiêm	ống	188.600
4	Lidocain	10%,38g	1	Hít/ xịt	Thuốc hít định liều/ phun mù định liều	hộp/chai	7
5	Mepivacain Hydrochloric	54mg/1,8ml	1	Tiêm	Thuốc tiêm	ống	2.200
6	Midazolam	5mg/ml, ống 1ml	1	Tiêm	Thuốc tiêm	ống	150
7	Neostigmine metilsulfate	0,5mg/ml, ống 1ml	1	Tiêm	Thuốc tiêm	ống	26.590
8	Fentanyl	50mcg/ml; ống 2ml	1	Tiêm	Thuốc tiêm	ống	12.000
9	Propofol	1% (10mg/ml), 20ml	1	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	ống	7.650
10	Rocuronium Bromide	10mg/ml, 5ml	1	Tiêm	Thuốc tiêm	chai/ lọ/ ống/ túi	5.200
11	Sevoflurane	100%/250ml	1	Đường hô hấp	Dung dịch gây mê đường hô hấp	chai/ lọ/ ống/ túi	590
12	Suxamethonium chloride	100mg/2ml	1	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	chai/ lọ/ ống/ túi	10
2. THUỐC GIẢM ĐAU, HẠ SỐT; CHỐNG VIÊM KHÔNG STEROID							
13	Alpha chymotrypsin	4200IU	4	Uống	Viên	viên	64.240
14	Morphin	10mg/ml, ống 1ml	4	Tiêm	Thuốc tiêm	ống	300
15	Nefopam hydroclorid	20mg/2ml, ống 2ml	1	Tiêm	Thuốc tiêm	ống	1.400
16	Nefopam hydroclorid	30mg	1	Uống	Viên	viên	1.510
17	Paracetamol (acetaminophen)	500mg	1	Uống	Viên sủi	Viên	171.050
18	Paracetamol (acetaminophen)	1000mg/100ml	4	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	chai/ lọ/ ống/ túi	35.700

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	ĐVT	Số lượng kế hoạch dự kiến
19	Ibuprofen	200mg	1	Uống	Viên	viên	4.800
3. THUỐC CHỐNG DỊ ỨNG VÀ DÙNG TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP QUÁ MÃN							
20	Cetirizine	10 mg	1	Uống	viên	viên	260
21	Diphenhydramin HCl	10 mg/ml, ống 1ml	4	Tiêm	Thuốc tiêm	ống	10
22	Promethazine Hydrochloride	50mg/2ml, ống 2ml	1	Tiêm	Thuốc tiêm	ống	100
4. THUỐC GIẢI ĐỘC VÀ CÁC THUỐC DÙNG TRONG TRƯỜNG HỢP NGỘ ĐỘC							
23	Atropin sulfat	0,25mg/1ml, ống 1ml	4	Tiêm	Thuốc tiêm	ống	14.350
24	Ephedrine hydrochloride	30 mg/ml, ống 1ml	1	Tiêm	Thuốc tiêm	ống	90
25	Naloxon	0,4mg/ml, ống 1ml	1	Tiêm	Thuốc tiêm	ống	30
26	Natri bicarbonat	1,4%/500ml	4	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	chai/ lọ/ ống/ túi	14
27	Noradrenalin	1mg, ống 1ml	4	Tiêm	Thuốc tiêm	ống	10
6. THUỐC ĐIỀU TRỊ KÝ SINH TRÙNG, CHỐNG NHIỄM KHUẨN							
28	Amoxicilin	250 mg	1	Uống	Bột/ cốm/ hạt pha uống	gói	40
29	Amoxicilin + acid clavulanic	1g + 0,2g	1	Tiêm	Thuốc tiêm	lọ	33.800
30	Amoxicilin + acid clavulanic	1g + 0,2g	4	Tiêm	Thuốc tiêm	lọ	6.500
31	Amoxicilin + acid clavulanic	250mg + 31,25mg	1	Uống	Bột/ cốm/ hạt pha uống	gói	4.400
32	Meropenem	1g	4	Tiêm	Thuốc tiêm	chai/ lọ/ ống/ túi	500
33	Lamivudin	100mg	4	Uống	viên	viên	40
34	Linezolid	600mg	4	Uống	viên	viên	400
35	Linezolid	2mg/ml; 300ml	1	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	chai/ lọ/ ống/ túi	150
36	Tetracyclin	1%, 5g	4	Tra mắt	Thuốc tra mắt	Tuýp	1.630
37	Spiramycin + metronidazol	750000IU; 125mg	1	Uống	viên	viên	17.300
38	Vancomycin	1g	1	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	chai/ lọ/ ống/ túi	200

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	ĐVT	Số lượng kế hoạch dự kiến
39	Sulfamethoxazol + trimethoprim	400mg + 80mg	4	Uống	Viên	Viên	300
	11. THUỐC TÁC DỤNG ĐỐI VỚI MÁU						
40	Poly (O-2- hydroxyethyl starch)	6%, 500ml	1	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	chai/ lọ/ ống/ túi	40
41	Enoxaparin natri	4000IU/0,4ml	1	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Bơm tiêm	10
42	Cilostazol	50mg	4	uống	viên	viên	8.000
	12. THUỐC TIM MẠCH						
43	Amiodarone	150mg/3ml	1	Tiêm	Thuốc tiêm	ống	10
44	Dobutamine	250mg/5ml	4	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	chai/ lọ/ ống/ túi	30
45	Digoxin	0,25mg/ 1ml, 1ml	4	Tiêm	Thuốc tiêm	lọ	30
46	Nicardipin	10mg/10ml, ống 10ml	1	Tiêm	Thuốc tiêm	ống	300
47	Isosorbid dinitrate	10mg	4	Uống	Viên	viên	40
	15. THUỐC TÂY TRỪNG VÀ SÁT KHUẨN						
48	Povidon iodin	4% 500ml	4	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	chai	320
49	Povidon iodin	10% 500ml	4	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	chai	1.140
	16. THUỐC LỢI TIỂU						
50	Furosemide	20mg/2ml	4	Tiêm	Thuốc tiêm	ống	50
	17. THUỐC ĐƯỜNG TIÊU HÓA						
51	Gel nhôm phosphat	20%/12,38g	4	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	gói	550
52	Metoclopramid	10mg/2ml, ống 2ml	4	Tiêm	Thuốc tiêm	ống	80
53	Omeprazol	20mg	4	Uống	Viên	viên	2.900
54	Esomeprazol	40mg	4	Uống	Viên	viên	100
55	Esomeprazol	20mg	4	Uống	Viên	viên	120